

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 116/2020/HS-ST  
Ngày 28 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Nữ Hương Huyền.

*Các Hội thẩm Nhân dân:* Ông Sái Văn Trọng và ông Bùi Thanh Bình.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Mạnh Tuấn, Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố V.

***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Hường Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố V, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

**Trần Việt A**, sinh ngày 13/3/1992 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố B, phường L, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trung V và bà Đỗ Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án 04. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/HSST ngày 27/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh V xử phạt Trần Việt A 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.000.000đ. Tháng 12/2010 thi hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/HSST ngày 23/3/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt Trần Việt A 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 19/01/2012 thi hành xong hình phạt tù; Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 10/HSST ngày 23/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V xử phạt Trần Việt A 02 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 26.500.000đ. Ngày 07/3/2015 thi hành xong hình phạt tù; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 158/HSST ngày 18/12/2015, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xử phạt Trần Việt A 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 13/7/2019 thi hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2020 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Chị Nguyễn Hồng D- sinh năm 1997; địa chỉ: số nhà 63 ngõ 2 đường Trần Phú, phường L, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

Chị Hoàng Thị Mỹ L- sinh năm 2001; địa chỉ: Xóm Đâu, xã D, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Ông Hoàng Văn B- sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm Đâu, xã D, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn B- sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm Đâu, xã D, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ ngày 08/4/2020 đến ngày 17/4/2020, Trần Việt A đã thực hiện 01 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 01 vụ Trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 08 giờ ngày 08/4/2020, Trần Việt A đến nhà A Tạ Tiến T trú tại tổ dân phố An Lập, phường Đ, thành phố V chơi và có gặp chị Hoàng Thị Mỹ L cùng một vài người bạn khác của anh T. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Việt A cùng A T, chị L đi ra bờ hồ quảng trường đối diện Ủy ban nhân dân tỉnh V thuộc phường Liên Bảo, thành phố Vi để câu cá. Tại đây, Việt A quan sát thấy xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát: 88B1-293.53 của chị L còn mới nên nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Việt A nhờ chị L đưa về nhà lấy một số giấy tờ. Do mối quan hệ quen biết ngoài xã hội giữa A Tu và Việt A nên chị L tin tưởng đồng ý đưa Việt A về nhà. Sau đó chị L điều khiển xe máy biển kiểm soát 88B1-293.53 chở Việt A ngồi sau về nhà Việt A ở khu hành chính 3, phường L, thành phố V. Đến nơi, Việt A bảo chị L chờ ở ngoài rồi đi bộ vào sau đó quay ra nói dối không có chìa khoá nhà. Việt A tiếp tục nhờ chị L chở ra chợ B (hay còn gọi là chợ T) ở phường L, thành phố V để lấy chìa khoá từ mẹ Việt A đang bán hàng ngoài chợ. Chị L tin tưởng nên đồng ý điều khiển xe máy chở Việt A đi. Khi đi đến gần chợ B, Việt A bảo chị L chờ ở ngoài rồi mượn xe máy đi vào trong chợ. Chị L tin tưởng nên giao xe cho Việt A còn chị L đứng ngoài chờ. Sau khi chiếm đoạt được xe máy, Việt A điều khiển xe xuống thị trấn Gia Khánh, huyện B, đến quán game gần công trung đoàn 834, gặp chị Vũ Thị N là chủ quán. Việt A đặt vấn đề hỏi vay của chị N số tiền 5.000.000đ và để lại xe máy làm tin. Chị N hỏi nguồn gốc xe máy thì Việt A nói là xe của gia đình. Do có mối quan hệ quen biết nên chị N tin tưởng, đồng ý cho Việt A vay tiền và nhận xe máy biển kiểm soát 88B1-293.53 làm tin. Số tiền vay của chị N, Việt A đã tiêu xài hết.

Ngày 19/4/2020, Ông Hoàng Văn B là bố đẻ của chị L đã gặp và trả cho chị N số tiền 5.000.000đ để chuộc xe máy. Chị Vũ Thị N đồng ý cho ông B chuộc xe, sau đó được sự đồng ý của ông B, chị N tự nguyện giao nộp xe máy biển kiểm soát 88B1-293.53 cho Công an thành phố V.

Tại kết luận định giá tài sản số 66 ngày 15/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: Trị giá xe máy biển kiểm soát 88B1-293.53 là 10.000.000đ.

Hiện tại chị L đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến- Bộ Công an nên ngày 02/7/2020, chị L đã ủy quyền cho ông Hoàng Văn B (là bố đẻ) thay chị nhận lại tài sản. Ngày 17/7/2020, Cơ quan điều tra trả lại xe máy trên cho ông Hoàng Văn B. Ông B đã nhận lại tài sản và yêu cầu Trần Việt A phải bồi thường cho ông số tiền 5.000.000đ.

Vụ thứ hai:

Do không có tiền nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/4/2020, Trần Việt A cùng với một người nam giới tên là Đ, theo Việt A khai nhận Điệp sinh năm 1987 trú tại xã T, huyện L, tỉnh V là bạn của Việt A, cùng nhau đi bộ dọc đường Trần Phú, phường L mục đích xem ai có tài sản sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đi đến số nhà 63 ngõ 2 đường Trần Phú, Việt A và Đ nhìn thấy trước cửa nhà có dựng một chiếc xe đạp mini màu sơn hồng, nhãn hiệu Asanta của chị Nguyễn Hồng D thuê trọ tại đây. Việt A đi đến trước cửa nhà, quan sát thấy cửa nhà mở nhưng không có ai trông coi nên quay ra lắc đầu với Đ (ý là xe đạp không có người trông coi). Hiểu ý của Việt A, Đ đi đến vị trí để xe đạp, ngồi lên yên xe, còn Việt A ngồi lên yên xe phía sau. Đ điều khiển xe đạp chở Việt A đi đến cửa hàng thu mua sắt vụn của bà Nguyễn Thị V ở tổ dân phố M, phường K, thành phố V. Khi đến nơi, Việt A trao đổi và bán xe cho bà Vĩnh với giá 50.000đ. Sau khi bán xe, Việt A cầm tiền rồi cùng Đ đi uống nước hết số tiền 50.000đ, rồi Việt A về nhà ở ngõ 17 đường Mê L, phường L, thành phố V còn Đ bỏ đi đâu không rõ.

Ngày 18/4/2020, bà Nguyễn Thị Vi tự nguyện giao nộp xe đạp mini màu sơn hồng nhãn hiệu Asanta cho cơ quan Công an.

Tại kết luận định giá tài sản số 67 ngày 15/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: Trị giá chiếc xe đạp mini màu sơn hồng nhãn hiệu Asanta là 500.000đ.

Đối với xe đạp mini màu sơn hồng nhãn hiệu Asanta, quá trình điều tra xác định là của chị Nguyễn Hồng D. Ngày 17/7/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại xe đạp trên cho chị D. Chị D nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại Cáo trạng số: 117/CT-VKSTPVY ngày 04/8/2020, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V đã truy tố Trần Việt A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Việt A khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174 điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Việt A từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt

buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Việt A tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Từ ngày 08/4/2020 đến ngày 17/4/2020, Trần Việt A đã thực hiện 01 vụ “Trộm cắp tài sản” và 01 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trên địa bàn thành phố V, cụ thể như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 08/4/2020, tại Quảng trường phía trước trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh V thuộc phường L, thành phố V, tỉnh V, Trần Việt A dùng thủ đoạn gian dối hỏi mượn xe máy biển kiểm soát 88B1- 293.53 của chị Hoàng Thị Mỹ L rồi mang đi cầm cố được 5.000.000đ. Trị giá chiếc xe máy là 10.000.000đ.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/4/2020 tại số nhà 63 ngõ 2 đường Trần Phú, phường L, thành phố V, tỉnh V, Trần Việt A trộm cắp 01 chiếc xe đạp mini nhãn hiệu Asanta của chị Nguyễn Hồng D rồi mang đi bán được 50.000đ. Trị giá tài sản trộm cắp là 500.000đ.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe máy của chị Hoàng Thị Mỹ L trị giá 10.000.000đ của Trần Việt A đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do Việt A đã có tiền án xác định là tái phạm chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

.....

*d) Tái phạm nguy hiểm.*

Hành vi của Trần Việt A lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp 01 chiếc xe đạp mini của chị Nguyễn Hồng D, mặc dù trị giá tài sản là 500.000đ nhưng do Việt A đã có tiền án về tội xâm phạm sở hữu chưa được xóa án tích nên hành vi nêu trên đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá ..... hoặc dưới 2.000.000 đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

.....  
b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều ...174, 175....của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo quy định tại khoản 2 Điều 174 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 07 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù bị cáo có 04 tiền án nhưng những tiền án này là tình tiết định tội trong vụ “Trộm cắp tài sản” và là tình tiết định khung của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 04 lần bị đưa ra xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm:

Đối với A Tạ Tiến Tùng, quá trình điều tra xác định A Tùng là bạn bè quen biết ngoài xã hội với Trần Việt A. Ngày 08/4/2020, Trần Việt A cùng A Tùng,

chị L và một số người bạn đi câu cá tại hồ quảng trường trước cổng Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Tu không biết và không liên quan đến hành vi Trần Việt A lừa đảo chiếm đoạt xe máy của chị L. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Vũ Thị N nhận cầm cố xe máy biển kiểm soát 88B1- 293. 53 và cho Việt A vay số tiền 5.000.000đ. Quá trình điều tra xác định: Chị N không biết chiếc xe do Trần Việt A phạm tội mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội của Việt A. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý chị Vũ Thị N về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với người nam giới tên Điệp, theo Trần Việt A khai nhận Điệp sinh năm 1987 trú tại xã T, huyện L, tỉnh V. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, huyện L, kết quả rà soát trên địa bàn hiện chưa xác định được người nam giới có tên và địa chỉ như trên. Do vậy, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào rõ xử lý sau.

Đối với bà Nguyễn Thị V, quá trình điều tra xác định bà V không biết xe đạp là tài sản do Trần Việt A phạm tội mà có, bà V không liên quan đến hành vi phạm tội của Việt A nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[7] Về bồi thường dân sự: Đối với số tiền 50.000đ do bà Nguyễn Thị V mua xe đạp của Trần Việt A nhưng do Việt A đã tiêu sài hết. Bà V không yêu cầu Việt A phải trả lại cho bà số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 5.000.000đ mà Trần Việt A vay của chị Vũ Thị N và để lại chiếc xe máy. Ngày 19/4/2020 ông Hoàng Văn B đã trả cho chị N.

Ông B yêu cầu Trần Việt A phải trả lại cho ông số tiền 5.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho ông B số tiền này.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Việt A phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Việt A 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 21/4/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự: Buộc Trần Việt A phải trả cho ông Hoàng Văn B số tiền 5.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Việt A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự trong án hình sự: Bị cáo Trần Việt A phải chịu 300.000đ.

Bị cáo, đại diện theo ủy quyền của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam- CA V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Nữ Hương Huyền**

